

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH & PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG (TDC)
số 26-27, Lô I - Đường Đồng Khởi - Phường Hòa Phú - TP TDM - Bình Dương
Mã số thuế : 3 7 0 0 4 1 3 8 2 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4,947,262,875,479	3,718,551,574,423
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	513,332,389,841	32,262,470,401
1. Tiền	111		510,832,389,841	31,740,212,526
2. Các khoản tương đương tiền	112		2,500,000,000	522,257,875
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	3,556,413,800	2,732,366,700
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4,893,028,550	4,893,028,550
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1,336,614,750)	(2,160,661,850)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		678,316,668,190	623,213,233,792
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	607,197,628,071	600,356,145,233
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	45,876,546,647	14,611,126,318
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	36,159,765,811	16,862,380,436
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(10,919,853,953)	(8,616,418,195)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2,581,614	-
IV. Hàng tồn kho	140		3,458,021,504,157	2,877,984,755,897
1. Hàng tồn kho	141	V.7	3,458,021,504,157	2,877,984,755,897
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		294,035,899,491	182,358,747,633
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	17,492,102,782	6,164,777,983
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		276,005,284,659	175,119,195,720
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.19	538,512,050	1,074,773,930
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,520,163,684,454	2,530,144,186,574
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		577,515,064,546	684,198,295,036
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	567,388,048,791	677,411,137,164
2. Trả trước cho người bán dài hạn			-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn			-	-
6. Phải thu dài hạn khác	218	V.5b	10,127,015,755	6,787,157,872
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		263,381,316,703	288,987,491,959
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	224,736,185,213	248,978,281,733
<i>Nguyên giá</i>	222		376,901,998,019	375,134,112,752
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(152,165,812,806)	(126,155,831,019)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	38,645,131,490	40,009,210,226
<i>Nguyên giá</i>	228		42,996,870,716	42,996,870,716
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4,351,739,226)	(2,987,660,490)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	-	1,374,519,985
<i>Nguyên giá</i>	231		-	2,409,271,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	(1,034,751,015)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,588,451,016,116	1,463,143,163,576
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.12	1,529,699,315,624	1,410,634,260,829
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	58,751,700,492	52,508,902,747
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		71,785,858,042	71,349,226,105
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	18,358,576,296	17,921,944,359
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	258	V.2c	53,460,000,000	53,460,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.2c	(32,718,254)	(32,718,254)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
V. Tài sản dài hạn khác	260		19,030,429,047	21,091,489,913
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	13,056,056,121	15,724,283,627
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	5,139,797,601	4,090,796,966
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	268		-	-
4. Tài sản dài hạn khác			-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	834,575,325	1,276,409,320
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7,467,426,559,933	6,248,695,760,997

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		6,434,713,781,118	5,038,696,705,413
I. Nợ ngắn hạn	310		3,816,598,182,907	4,513,580,372,974
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16a	2,039,205,099,431	2,646,659,200,135
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17a	526,902,945,828	340,965,195,610
3. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	313	V.18	1,360,955,562	30,327,161,489
4. Phải trả người lao động	314	V.19	7,704,891,460	9,853,913,354
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	210,207,405,680	596,666,890,032
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	193,824,607,638	236,226,213,699
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	834,729,574,511	646,314,865,781
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.23a	4,613,621,927	6,201,754,532
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	(1,950,919,130)	365,178,342
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2,618,115,598,211	525,116,332,439
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.16b	1,571,668,762,217	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.17b	15,759,384,969	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2,142,189,305	3,341,124,348
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	6,065,332,034	6,422,560,471
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	1,018,903,010,714	512,840,103,435
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.23b	3,576,918,972	2,512,544,185
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-


CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,032,712,778,815	1,209,999,055,584
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,032,712,778,815	1,209,999,055,584
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	1,841,123,840	1,841,123,840
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	V.25		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8,044,411,019	8,044,411,019
5. Cổ phiếu ngân quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.25		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		42,937,386,861	42,731,847,007
9. Quỹ dự phòng tài chính	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.25		
11. Lợi nhuận chưa phân phối	420a	V.25	(56,134,228,880)	119,077,396,291
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420b	V.25	10,720,868,756	119,077,396,291
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		(66,855,097,636)	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.26	36,024,085,975	38,304,277,427
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7,467,426,559,933	6,248,695,760,997


 Huỳnh Thị Ánh Tuyết
 Người lập biểu


 Lý Thị Bình
 Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 10 tháng 11 năm 2015


 Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
(Dạng đầy đủ)
9 Tháng đầu năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	195,723,425,287	303,220,448,064	650,701,679,824	1,047,895,053,877
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	3,829,809,877	53,347,045,074	16,406,669,336	206,633,606,746
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	191,893,615,410	249,873,402,990	634,295,010,488	841,261,447,131
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	156,878,067,644	182,132,780,621	546,881,312,342	702,483,703,187
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35,015,547,766	67,740,622,369	87,413,698,146	138,777,743,944
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	628,206,692	(2,252,846,308)	1,681,758,663	1,888,064,374
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9,075,971,510	7,398,377,082	72,162,897,385	32,335,851,789
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8,491,360,379	4,862,216,037	71,708,511,618	26,687,325,440
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		191,373,748	227,332,314	436,631,937	227,332,314
9. Chi phí bán hàng	24	VI.5	17,928,542,094	21,023,684,726	56,162,735,713	64,893,589,302
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9,451,935,844	10,790,314,276	34,853,026,842	37,789,861,922
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(621,321,242)	26,502,732,291	(73,646,571,194)	5,873,837,619
12. Thu nhập khác	31	VI.7	6,812,379,657	6,159,668,385	9,591,110,426	12,103,314,837
13. Chi phí khác	32	VI.8	1,145,177,981	12,202,368,414	3,063,284,605	9,456,478,381
14. Lợi nhuận khác	40		5,667,201,676	(6,042,700,029)	6,527,825,821	2,646,836,456

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5,045,880,434	20,460,032,262	(67,118,745,373)	8,520,674,075
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.23	909,075,346	2,487,943,331	1,462,134,784	3,294,104,690
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1,180,092,885)	1,016,572,891	(1,049,000,635)	(477,417,331)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5,316,897,973</u>	<u>16,955,516,040</u>	<u>(67,531,879,522)</u>	<u>5,703,986,716</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		3,051,595,033	17,229,522,545	(66,855,097,636)	5,788,225,449
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2,265,302,939	(274,006,505)	(676,781,887)	(84,238,733)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>30</u>	<u>172</u>	<u>(669)</u>	<u>58</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	-	-



Huỳnh Thị Ánh Tuyết
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 10 tháng 11 năm 2015



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

9 Tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,161,740,134,764	1,563,577,417,903
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(913,717,528,102)	(844,602,664,596)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(56,389,351,953)	(57,899,150,496)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(61,561,802,617)	(28,934,231,804)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(29,596,405,844)	(43,715,592,320)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		733,596,775,559	222,749,606,873
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(336,010,762,608)	(509,520,577,559)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		498,061,059,199	301,654,808,001
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3,125,659,147)	(2,317,164,909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		4,831,751,909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3,926,546	2,516,213,150
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(17,300,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	600,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,765,234,602	703,105,735
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3,475,253,910	(15,797,846,024)

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG


Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, P. Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		522,839,934,373	35,286,898,039
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(400,400,119,390)	(343,783,041,327)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(3,142,500,000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(140,063,101,700)	(2,104,417,168)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20,765,786,717)	(310,600,560,456)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		480,770,526,392	(24,743,598,479)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	32,561,863,449	51,510,909,893
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	513,332,389,841	26,767,311,414


 Huỳnh Thị Ánh Tuyết
 Người lập biểu

Bình Dương, ngày 10 tháng 11 năm 2015


 Lý Thị Bình
 Kế toán trưởng


 Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cấu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao; Lắp đặt hệ thống điện; Thoát nước và xử lý nước thải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh trong hoạt động kinh doanh và sản xuất bê tông của Công ty không quá 12 tháng. Đối với các hoạt động kinh doanh của các dự án kinh doanh bất động sản, chu kỳ kinh doanh theo thời gian quy định tại phương án kinh doanh.

5. Cấu trúc Tập đoàn

5a. Danh sách công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân	Lô A-9B-CN, khu công nghiệp Bàu Bàng, xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất, lắp ráp cửa các loại...	70,59%	70,59%	70,59%
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	D12, đường Lê Hoàn, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	Tư vấn, thiết kế, xây dựng các công trình, nhà ở...	78,01%	78,01%	78,01%
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex	Đường D1, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất và cung cấp xi măng, bê tông cấu kiện...	58,00%	58,00%	58,00%
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Áp Mương Đào, xã Long Nguyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.	Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng như: cát, đá, thép...	81,00%	81,00%	81,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5b. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn đầu tư vào công ty liên kết là Trường Đại học quốc tế Miền Đông có trụ sở chính tại khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp công nghiệp dịch vụ và đô thị Bình Dương, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là đào tạo, giáo dục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty liên kết này là 24% (số đầu năm là 24%).

5c. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet có trụ sở chính tại Số 2B, Đại lộ Tự do, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là sản xuất và phân phối nước uống đóng chai. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại công ty này là 50% (số đầu năm là 50%).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Tập đoàn và Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước.

7. Nhân viên

Tại kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 800 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 939 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của bất động sản: bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Các công trình xây dựng dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu, tính theo phương pháp thực tế đích danh đối với hàng hóa bất động sản và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Các chi phí khác

Các chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 08

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 49 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

13. Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn và các quy định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản Tập đoàn là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

17. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh khoản trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.705.566.474	2.764.067.365
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	509.126.823.367	28.976.145.161
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	2.500.000.000	522.257.875
Cộng	<u>513.332.389.841</u>	<u>32.262.470.401</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	4.893.028.550	3.556.413.800	(1.336.614.750)	4.893.028.550	2.732.366.700	(2.160.661.850)
Cộng	4.893.028.550	3.556.413.800	(1.336.614.750)	4.893.028.550	2.732.366.700	(2.160.661.850)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(2.160.661.850)	(3.386.845.835)
Hoàn nhập dự phòng	824.047.100	1.963.408.785
Số cuối kỳ	(1.336.614.750)	(1.423.437.050)

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty liên doanh TNHH SinViet ⁽ⁱ⁾	2.235.910.000	1.792.883.455	4.028.793.455	2.235.910.000	1.356.251.518	3.592.161.518
Trường Đại học quốc tế Miền Đông ⁽ⁱⁱ⁾	14.400.000.000	(70.217.159)	14.329.782.841	14.400.000.000	(70.217.159)	14.329.782.841
Cộng	16.635.910.000	1.722.666.296	18.358.576.296	16.635.910.000	(70.217.159)	17.921.944.359

(i) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trường ban quản lý Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty liên doanh TNHH SinViet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Tập đoàn đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông 14.400.00.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty liên doanh, liên kết

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch mua nước tinh khiết của Công ty TNHH Sinviet với số tiền là 17.176.500 VND (cùng kỳ năm trước là 38.790.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	7.000.000.000	(32.718.254)	7.000.000.000	(32.718.254)
Công ty cổ phần dược Becamex	1.020.000.000	-	1.020.000.000	-
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	30.800.000.000	-	30.800.000.000	-
Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	14.640.000.000	-	14.640.000.000	-
Cộng	53.460.000.000	(32.718.254)	53.460.000.000	(32.718.254)

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do chưa có hướng dẫn cụ thể.

3. Phải thu khách hàng**3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	57.788.295.346	65.496.326.845
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	10.421.264.625	10.210.409.623
Công ty liên doanh TNHH khu công nghiệp Việt Nam – Singapore	3.278.276.802	3.278.276.802
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	10.192.291.202	13.192.291.202
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex IJC	5.263.001	10.828.953.646
Công ty cổ phần bê tông Becamex	1.483.357.245	11.753.391
Công ty cổ phần Câu lạc bộ bóng đá Bình Dương	185.399.790	3.830.178.638
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên	24.563.087.135	24.144.463.543
Cty TNHH Cấp thoát nước môi trường Bình Dương	82.425.610	
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	7.206.489.360	
Công ty cổ phần Setia- Becamex	370.440.576	
Phải thu các khách hàng khác	549.409.332.725	534.859.818.388
Phải thu các khách hàng mua bất động sản khác	368.205.226.022	353.866.700.512
Phải thu các khách hàng khác	181.204.106.703	142.300.566.115
Cộng	607.197.628.071	600.356.145.233

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	3.199.013.487	31.990.193.487
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV	3.199.013.487	31.990.193.487
Phải thu các khách hàng khác	564.189.035.304	645.420.943.677
Công ty cổ phần Nam Việt Phát	184.366.452.958	184.366.452.958
Công ty TNHH xây dựng dịch vụ thương mại Trần Long	163.010.229.010	163.010.229.010
Các khách hàng khác	216.812.353.336	298.044.261.709
Cộng	567.388.048.791	677.411.137.164

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Nam Việt Phát	15.648.656.492	-
Công ty TNHH xây dựng dịch vụ thương mại Trần Long	15.888.755.486	772.922.949
Công ty cổ phần thang máy Thiên Nam	653.400.000	653.400.000
Công ty cổ phần điện Trường Giang Sài Gòn		1.104.545.700
Công ty TNHH đối tác liên doanh Lương Anh Cường		296.060.000
Công ty Hunter Douglas Việt Nam		2.677.500.000
Trả trước cho người bán khác	13.685.734.669	7.074.389.479
Cộng	<u>45.876.546.647</u>	<u>14.611.126.318</u>

5. Phải thu khác**5a. Phải thu khác ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã chi		-	2.414.050.726	-
Cổ tức phải thu		-	1.485.653.015	-
Tạm ứng cho nhân viên	30.059.629.105	-	10.966.790.974	-
Các khoản phải thu khác	6.100.136.706	-	1.995.885.721	-
Cộng	<u>36.159.765.811</u>	-	<u>16.862.380.436</u>	-

5b. Phải thu khác dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu bên liên quan	649.003.039	-	649.003.039	-
<i>Công ty liên doanh TNHH SinViet - tạm ứng vốn</i>	<i>649.003.039</i>	-	<i>649.003.039</i>	-
Phải thu các tổ chức và các cá nhân khác	9.478.012.716	-	6.138.154.833	-
<i>Phải thu phí bảo trì chung cư TDC Plaza</i>	<i>791.433.955</i>	-	<i>1.124.852.450</i>	-
<i>Thuế GTGT đầu ra</i>	<i>5.228.819.598</i>	-	<i>2.290.227.184</i>	-
<i>Ký quỹ</i>	<i>1.395.895.505</i>	-	<i>1.443.372.167</i>	-
<i>Lệ phí trước bạ phải thu</i>	<i>1.345.931.251</i>	-	<i>866.012.230</i>	-
<i>Các khoản phải thu dài hạn khác</i>	<i>715.932.407</i>	-	<i>413.690.802</i>	-
Cộng	<u>10.127.015.755</u>	-	<u>6.787.157.872</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Đại Quang Long – Phải thu tiền bán bê tông	Từ 1 năm đến 2 năm	1.314.205.994	657.102.997	-	-
Công ty cổ phần Hoàng Duyên - Phải thu tiền bán vật liệu xây dựng	Trên 3 năm	3.599.519.099	-	Trên 3 năm	3.599.519.099
Công ty TNHH Trung Đô - phải thu tiền bán gạch	Trên 3 năm	40.229.994			40.229.994
Công ty TNHH thương mại dịch vụ vật liệu xây dựng Việt Đức - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	51.649.961			51.649.961
Công ty CP đầu tư và xây dựng Cotec - phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	98.797.987			98.797.987
Công ty TNHH xây dựng thương mại Cát Thịnh - phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	29.960.000			29.960.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	34.958.855			34.958.855
Phải thu các đơn vị và cá nhân khác	Từ 6 tháng đến 3 năm	9.744.491.838	5.424.215.235	Từ 6 tháng đến 3 năm	9.254.507.308
Cộng		14.913.813.728	6.081.318.232		13.109.623.204
					4.237.608.212

Tình hình biến động dự phòng giảm giá khoản phải thu ngắn hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(8.616.418.195)	(5.429.446.635)
Trích lập dự phòng bổ sung	(2.303.435.758)	-
Số cuối kỳ	(10.919.853.953)	(5.429.446.635)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	32.770.159.529	-	33.585.017.201	-
Công cụ, dụng cụ	1.354.711.443	-	1.501.561.809	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	2.923.583.455.171	-	2.354.211.413.344	-
Thành phẩm	2.892.939.834	-	3.135.871.021	-
Hàng hóa	497.420.238.181	-	485.541.570.960	-
Hàng gửi đi bán		-	9.321.562	-
Cộng	3.458.021.504.158	-	2.877.984.755.897	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	1.146.983.849	1.647.365.456
Chi phí trước bạ		3.501.372.236
Chi phí khác	16.345.118.933	1.016.040.291
Cộng	<u>17.492.102.782</u>	<u>6.164.777.983</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	3.734.978.205	3.854.361.456
Chi phí thuê văn phòng	3.753.064.132	4.060.837.777
Công cụ, dụng cụ	1.314.379.693	3.627.949.563
Chi phí thuê Pano quảng cáo	684.497.915	-
Chi phí khảo sát	316.770.128	356.358.506
Chi phí sửa chữa	2.245.788.547	2.350.914.680
Chi phí khác	1.006.577.501	1.473.861.645
Cộng	<u>13.056.056.121</u>	<u>15.724.283.627</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	108.677.387.654	111.286.216.302	139.327.055.043	2.699.346.451	13.144.107.302	375.134.112.752
Tăng trong kỳ	1.677.711.882	193.550.350	2.824.377.222	173.843.000		4.869.482.454
Mua trong kỳ	47.813.744	-	1.476.700.000	46.740.000	-	1.571.253.744
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.629.898.138	-	1.347.677.222	127.103.000	-	3.104.678.360
Tăng khác	-	193.550.350	-	-	-	193.550.350
Giảm trong kỳ	-	(2.860.350)	(2.654.869.054)	(46.809.714)		(2.704.539.118)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.654.869.054)	-	-	(2.654.869.054)
Giảm khác	-	(399.918.419)	-	(46.809.714)	-	(446.728.133)
Số cuối kỳ	<u>110.355.099.536</u>	<u>111.079.848.233</u>	<u>139.496.563.211</u>	<u>2.826.379.737</u>	<u>13.144.107.302</u>	<u>376.901.998.019</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.637.685.643	487.510.729	5.594.788.757	713.285.104	213.400.289	9.646.670.522
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	29.912.000.333	37.852.131.859	53.161.495.942	1.524.310.540	3.705.892.345	126.155.831.019
Khấu hao trong kỳ	6.606.807.331	8.119.091.482	11.681.431.167	257.169.587	544.945.239	27.209.444.806
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.128.367.494)	-	-	(1.128.367.494)
Giảm khác	-	-	-	(46.809.715)	-	(46.809.715)
Số cuối kỳ	<u>36.518.807.664</u>	<u>45.971.223.341</u>	<u>63.690.273.805</u>	<u>1.734.670.412</u>	<u>4.250.837.584</u>	<u>152.165.812.806</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	78.765.387.321	73.434.084.443	86.165.559.101	1.175.035.911	9.438.214.957	248.978.281.733
Số cuối kỳ	73.836.291.872	65.108.624.892	75.806.289.406	1.091.709.325	8.893.269.718	224.736.185.213
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 186.159.071.350 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bình Dương.

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	42.778.349.973	218.520.743	42.996.870.716
Số cuối kỳ	42.778.349.973	218.520.743	42.996.870.716
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	26.200.000	26.200.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.785.179.739	202.480.751	2.987.660.490
Khấu hao trong kỳ	1.352.048.733	12.030.003	1.364.078.736
Số cuối kỳ	4.137.228.472	214.510.754	4.351.739.226
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	39.993.170.234	16.039.992	40.009.210.226
Số cuối kỳ	38.641.121.501	4.009.989	38.645.131.490
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương.

11. Bất động sản đầu tư

Trong kỳ, bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất tại An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương đã được chuyên nhượng cho Ông Trần Đức Minh theo Hợp đồng chuyên nhượng số 01/2015/HĐCN ngày 30 tháng 3 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án chung cư Mỹ Phước 9T	399.999.999	399.999.999	399.999.999	399.999.999
Dự án Sunriver	45.527.273	45.527.273	45.527.273	45.527.273
Dự án phố Sông Cẩm	311.328.209.055	311.328.209.055	310.798.337.294	310.798.337.294
Dự án Hiland Park - BB	87.320.622.774	87.320.622.774	87.320.622.774	87.320.622.774
Dự án TDC Plaza	591.773.906.891	591.773.906.891	477.195.160.762	477.195.160.762
Dự án Unitown – Giai đoạn 2	538.831.049.632	538.831.049.632	534.874.612.727	534.874.612.727
Cộng	1.529.699.315.624	1.529.699.315.624	1.410.634.260.829	1.410.634.260.829

Các dự án bị trì hoãn do Tập đoàn đang thiếu vốn để tiếp tục thực hiện.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	47.716.237.286	2.735.274.546	(2.562.480.222)	(4.773.663.636)	43.115.367.974
XDCB dở dang	4.417.194.814	11.219.137.704	-	-	15.636.332.518
<i>Chi phí xây dựng trạm trộn bê tông Huyện Chơn Thành</i>	<i>1.636.251.129</i>	<i>3.093.079.936</i>	-	-	<i>4.729.331.065</i>
<i>Chi phí xây dựng văn phòng làm việc mới</i>	<i>1.381.792.794</i>	<i>918.793.723</i>	-	-	<i>2.300.586.517</i>
<i>Chi phí xây dựng bến thủy tạm thời</i>	<i>84.161.773</i>	<i>3.537.056.753</i>	-	-	<i>3.621.218.526</i>
<i>Chi phí xây dựng nhà kho nguyên vật liệu</i>	<i>1.314.989.118</i>	<i>3.670.207.292</i>	-	-	<i>4.985.196.410</i>
Sửa chữa lớn, nâng cấp tài sản cố định	375.470.647	1.254.427.491	(1.629.898.138)	-	-
Cộng	52.508.902.747	15.208.839.741	(4.192.378.360)	(4.773.663.636)	58.751.700.492

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tập đoàn chỉ có tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết như sau:

	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh		
	Số đầu năm	trong kỳ	Số cuối kỳ
Các chi phí phải trả	934.569.683	-	934.569.683
Giao dịch nội bộ	3.156.227.283	1.049.000.635	4.205.227.918
Cộng	4.090.796.966	1.049.000.635	5.139.797.601

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 22% (năm trước thuế suất là 22%).

15. Lợi thế thương mại**Nguyên giá**

Số đầu năm

2.945.559.970

Số cuối năm

2.945.559.970**Số đã phân bổ**

Số đầu năm

1.669.150.650

Phân bổ trong năm

441.833.995

Số cuối năm

2.110.984.645**Giá trị còn lại**

Số đầu năm

1.276.409.320

Số cuối năm

834.575.325**16. Phải trả người bán****16a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	1.806.956.756.880	2.354.199.032.858
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV	823.897.533.948	455.676.267.382
Công ty cổ phần dược Becamex	83.453.617.548	121.453.617.548
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương	875.334.000.000	1.766.502.482.217
Công ty cổ phần bê tông Becamex	677.401.383	1.075.455.201
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	23.585.860.501	9.490.274.410
Công ty liên doanh TNHH SinViet	8.343.500	936.100
Phải trả cho các đối tượng khác	232.248.342.551	292.460.167.277
Cộng	<u>2.039.205.099.431</u>	<u>2.646.659.200.135</u>

16b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	1.571.578.982.217	-
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	680.410.500.000	-
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư BD	891.168.482.217	-
Các nhà cung cấp khác	89.780.000	-
Cộng	<u>1.571.668.762.217</u>	-

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH VSIP Hải Phòng		24.145.443.560
Công ty TNHH xây dựng thương mại Nguyễn Hoàng		17.884.519.347
Công ty TNHH đầu tư xây dựng thương mại Minh		-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đức Trung		
Tổng Công Ty Đầu Tư và Phát Triển Công Nghiệp –TNHH MTV	377.180.522.759	
Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác	192.970.652.492	98.432.765.956
Cộng	<u>570.151.175.251</u>	<u>140.462.728.863</u>

17. Người mua trả tiền trước**17a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	<i>426.696.978.313</i>	<i>257.070.429.514</i>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	426.696.978.313	257.070.429.514
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>100.205.967.515</i>	<i>83.894.766.096</i>
Cộng	<u>526.902.945.828</u>	<u>340.965.195.610</u>

17b. Người mua trả tiền trước dài hạn

Khoản ứng trước của các khách hàng mua hàng hóa bất động sản.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Huang Yu Shin	1.486.892.509	-
Các khách hàng mua bất động sản khác	14.272.492.460	-
Cộng	<u>15.759.384.969</u>	<u>-</u>

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.634.605.927	(45.741.978)	10.585.923.509	(11.234.123.985)	940.663.473	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.361.024.379	(408.880.870)	1.462.134.784	(29.596.405.844)		(182.127.551)
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp từ tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	50.925.884	-	301.969.723	(22.088.118)	330.807.489	
Thuế thu nhập cá nhân	90.715.299	(620.151.082)	450.466.985	(277.415.701)		(356.384.499)
Thuế tài nguyên	151.912.000	-	822.391.200	(902.766.600)	71.536.600	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	639.530.850	(639.530.850)		
Thuế môn bài	-	-	18.000.000	(18.000.000)		
Thuế và lệ phí khác	37.978.000	-	218.111.252	(238.141.252)	17.948.000	
Cộng	<u>30.327.161.489</u>	<u>(1.074.773.930)</u>	<u>14.498.528.303</u>	<u>(42.928.472.350)</u>	<u>1.360.955.562</u>	<u>(538.512.050)</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ bao gồm:

- Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	225.157.596
- Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	78.927.419
- Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	1.158.049.769
Cộng	1.462.134.784

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

19. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 9 năm 2015 phải trả người lao động.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	20.766.368.233	17.204.545.050
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV – lãi trả chậm cổ tức chưa chi	20.766.368.233	17.204.545.050
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	189.441.037.447	579.462.344.982
Chi phí lãi vay	395.750.709	419.601.696
Trích trước chi phí hoa hồng	-	14.581.818
Trích trước chi phí công trình	188.319.093.755	578.855.078.867
Chi phí khác	726.192.983	173.082.601
Cộng	210.207.405.680	596.666.890.032

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Phải trả khác****21a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	160.311.650.000	200.311.650.000
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV – Cổ tức phải trả	160.311.650.000	200.311.650.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	33.512.957.638	35.914.563.699
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.095.949.842	984.213.547
Cổ tức phải trả	733.966.392	191.715.392
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	21.283.715.813	27.124.671.144
Hoa hồng môi giới	114.499.100	148.867.703
Thu tiền đặt cọc, giữ chỗ cho các dự án	7.679.458.010	5.740.602.000
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	-	732.435.111
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.605.368.481	992.058.802
Cộng	193.824.607.638	236.226.213.699

21b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí bảo trì dự án TDC Plaza	5.745.343.034	5.664.431.391
Thu hộ thuế thu nhập cá nhân – cá nhân hợp đồng góp vốn	-	442.330.080
Nhận ký quỹ dài hạn	319.989.000	174.989.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	140.810.000
Cộng	6.065.332.034	6.422.560.471

21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay và nợ tài chính**22a. Vay và nợ tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	827.671.574.511	827.671.574.511	612.725.665.781	612.725.665.781
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương⁽ⁱ⁾</i>	666.045.226.367	666.045.226.367	461.874.379.681	461.874.379.681
<i>Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương⁽ⁱⁱ⁾</i>	46.913.583.416	46.913.583.416	107.292.069.800	107.292.069.800
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	114.555.564.728	114.555.564.728	43.559.216.300	43.559.216.300
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội^(iv)</i>	157.200.000	157.200.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	7.058.000.000	7.058.000.000	33.589.200.000	33.589.200.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số có khả năng trả		Số có khả năng	
	Giá trị	nợ	Giá trị	trả nợ
	834.729.574.511	834.729.574.511	646.314.865.781	646.314.865.781

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình và vô hình của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.9 và V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng liên doanh VID Public – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại khu đô thị - Công nghiệp dịch vụ VSIP Hải phòng (xem thuyết minh số V.7).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng với lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phương tiện vận tải là tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.9).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được điều chỉnh theo biến động lãi suất của từng thời kỳ, thời hạn vay 48 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	612.725.665.781	591.175.611.068	-	(376.229.702.338)	827.671.574.511
Vay dài hạn đến hạn trả	33.589.200.000	-	-	(26.531.200.000)	7.058.000.000
Cộng	646.314.865.781	591.175.611.068	-	(402.760.902.338)	834.729.574.511

22b. Vay và nợ tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số có khả năng trả		Số có khả năng	
	Giá trị	nợ	Giá trị	trả nợ
Trái phiếu thường phát hành cho bên liên quan	892.423.584.381	892.423.584.381	395.995.151.514	395.995.151.514
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV ⁽ⁱ⁾	392.423.584.381	392.423.584.381	395.995.151.514	395.995.151.514
Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh và Đầu Tư Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	500.000.000.000	500.000.000.000		
Vay dài hạn ngân hàng	126.479.426.333	126.479.426.333	116.844.951.921	116.844.951.921
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển	58.677.126.333	58.677.126.333	48.924.751.921	48.924.751.921

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾				
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ^(iv)	67.408.000.000	67.408.000.000	67.408.000.000	67.408.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Mỹ Phước ^(v)	185.500.000	185.500.000	185.500.000	185.500.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bình Dương ^(vi)	208.800.000	208.800.000	326.700.000	326.700.000
Cộng	1.018.903.010.714	1.018.903.010.714	512.840.103.435	512.840.103.435

- (i) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 5 năm, được phát hành để thanh toán tiền mua đất khu Phú Chánh C, D cho Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV.
- Ngày phát hành: 27/12/2014
 - Ngày đáo hạn: 27/12/2019
 - Kỳ trả lãi: 6 tháng/lần.
 - Lãi suất: Năm đầu tiên: 12%/năm. Từ kỳ thứ ba trở đi lãi suất trái phiếu được xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu được xác định bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng gồm Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng biên độ 4,0%.
 - Tài sản Bảo đảm: 16 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích 119.296,1 m² quy hoạch xây dựng khu nhà liên kế, nhà phố thuộc dự án Khu dân cư Hòa Lợi nằm trong Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC).
- (ii) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 5 năm để đầu tư dự án Dragon Hill
- Ngày phát hành: 30 /09/2015
 - Ngày đáo hạn: 30 /09/2020
 - Kỳ trả lãi: 6 tháng/lần.
 - Lãi suất: Năm đầu tiên: 11.5%/năm. Từ kỳ thứ ba trở đi lãi suất trái phiếu được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất 6 tháng/lần và xác định theo nguyên tắc bằng tổng của lãi suất tham chiếu được xác định bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng gồm Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng biên độ 3,5%/năm.
 - Tài sản Bảo đảm: 13 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV (Becamex IDC).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đầu tư xây dựng dự án khu phố thương mại Uni-Town (giai đoạn 1) với lãi suất 9,5% năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của Tập đoàn bao gồm 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương trị giá 556.668.000.000 VND (xem thuyết minh số V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iv) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để mua Nhà máy sản xuất bê tông Sông Thần 3 và Mỹ Phước 1 với lãi suất năm đầu tiên là 8,5%/năm, từ năm thứ 2 trở đi áp dụng lãi suất cho vay dài hạn VND cộng biên độ 3,3%. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).
- (v) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Phước để mua sắm xe ô tô tải phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bình Dương để mua sắm tài sản cố định, thời hạn vay 48 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Số cuối kỳ			
Vay dài hạn ngân hàng	133.537.426.333	7.058.000.000	126.479.426.333
Trái phiếu thường	892.423.584.381		892.423.584.381
Cộng	1.025.961.010.714	7.058.000.000	1.018.903.010.714
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	702.923.429.835	586.078.477.914	116.844.951.921
Trái phiếu thường	395.995.151.514	-	395.995.151.514
Cộng	1.098.918.581.349	586.078.477.914	512.840.103.435

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển	Giảm khác	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	116.844.951.921	9.634.474.412			126.479.426.333
Trái phiếu thường	395.995.151.514	500.000.000.000		(3.571.567.133)	892.423.584.381
Cộng	512.840.103.435	509.634.474.412		(3.571.567.133)	1.018.903.010.714

22c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

23. Dự phòng phải trả**23a. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	6.201.754.532
Tăng do trích lập	222.164.219
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	
Số sử dụng	
Hoàn nhập trong kỳ	(1.810.296.824)
Số cuối kỳ	4.613.621.927

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**23b. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	2.512.544.185
Tăng do trích lập	1.064.374.787

Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn

Số cuối kỳ	<u><u>3.576.918.972</u></u>
-------------------	------------------------------------

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	(2.693.732.578)	6.809.521.317	(7.055.433.002)	-	(2.939.644.263)
Quỹ phúc lợi	309.362.231	106.689.120	(139.099.999)	25.900.000	302.851.352
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	335.497.963	1.262.501.898	(912.126.080)	-	685.873.781
Cộng	<u><u>(2.048.872.384)</u></u>	<u><u>8.178.712.335</u></u>	<u><u>(8.106.659.081)</u></u>	<u><u>25.900.000</u></u>	<u><u>(1.950.919.130)</u></u>

Khoản chi quỹ vượt nguồn đầu năm được trình bày ở khoản mục “Phải thu khác ngắn hạn”.

25. Vốn chủ sở hữu**25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	607.005.000.000	607.005.000.000
Các cổ đông khác	392.995.000.000	392.995.000.000
Cộng	<u><u>1.000.000.000.000</u></u>	<u><u>1.000.000.000.000</u></u>

25c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**25d. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ, Tập đoàn đã phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 22 tháng 4 năm 2015 như sau:

	VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5,5% lợi nhuận sau thuế)	6.169.038.228
Trích thù lao Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát – Thư ký	560.000.000
Trích thưởng Ban điều hành	560.000.000
Chi trả cổ tức (10% mệnh giá)	100.000.000.000
Cộng	107.289.038.228

26. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	38.304.277.427	42.131.511.921
Lợi nhuận từ kết quả kinh doanh	(676.781.887)	(221.992.700)
Cổ tức đã trả	(1.525.338.000)	(4.074.008.876)
Giảm khác	(78.071.565)	
Tăng khác		137.753.967
Số cuối kỳ	36.024.085.975	37.973.264.312

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**27a. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn bao gồm 198,69 USD (số đầu năm 198,57 USD).

27b. Nợ khó đòi đã xử lý

Tập đoàn có nợ khó đòi đã xử lý liên quan đến khoản phải thu tiền bán vật liệu xây dựng cho Công ty TNHH một thành viên xây dựng Trần Hòa Phát và Doanh nghiệp tư nhân Hiệp Thành với số tiền lần lượt là 4.117.350 VND và 10.106.927 VND đã được xóa sổ do 2 công ty này đã giải thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng	178.275.331.428	202.467.294.224
Doanh thu bán thành phẩm	318.254.797.755	112.637.417.946
Doanh thu xây dựng, kinh doanh bất động sản	145.785.493.790	603.711.995.152
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.386.056.851	129.078.346.555
Cộng	<u>650.701.679.824</u>	<u>1.047.895.053.877</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp- TNHH MTV		
Xuất bán hàng hoá và dịch vụ	40.813.177.573	28.644.016.018
Thi công công trình	83.497.605.885	281.575.237.567
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	9.153.262.109	2.354.223.516
Cung cấp dịch vụ		226.104.545
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Bán nguyên vật liệu	1.149.596.698	
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước		
Xây dựng công trình		5.280.779.600
Cung cấp dịch vụ	214.200.000	
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật		
Bán nguyên vật liệu	19.278.511	79.355.141
Công ty cổ phần phát triển đô thị		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm		3.305.454

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu trong kỳ là hàng hóa bất động sản bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng	162.348.602.629	188.241.584.107
Giá vốn thành phẩm	253.784.398.996	60.286.951.634
Giá vốn xây dựng, kinh doanh bất động sản	124.061.864.756	337.623.898.758
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.686.445.961	116.331.268.688
Cộng	<u>546.881.312.342</u>	<u>702.483.703.187</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	197.866.666	216.938.195
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	181.950.731	262.868.973
Lãi bán hàng trả chậm	536.659.959	826.146.570
Cổ tức, lợi nhuận được chia	556.967.200	267.780.391
Doanh thu hoạt động tài chính khác	208.314.107	314.330.245
Cộng	1.681.758.663	1.888.064.374

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	71.708.511.618	26.687.325.440
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	(824.047.100)	498.975.845
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.044.773.128
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.963.408.785)
Lỗ do thanh lý cổ phiếu		686.441.385
Chi phí khác	1.278.432.867	2.381.744.776
Cộng	72.162.897.385	32.335.851.789

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	14.854.426.170	16.668.643.557
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.916.625.710	594.209.716
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.837.271.221	3.126.311.135
Chi phí hoa hồng môi giới		4.226.447.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.299.301.464	7.952.428.801
Chi phí sửa chữa hoàn thiện các dự án nhà đã bán	3.379.852.512	-
Chi phí khác	19.875.258.636	32.325.548.841
Cộng	56.162.735.713	64.893.589.302

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	17.081.084.275	17.934.290.225
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	878.110.521	1.735.261.453
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.378.094.988	3.674.235.503
Thuế, phí và lệ phí	13.007.640	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.303.435.758	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.344.652.653	3.786.551.019
Chi phí khác	7.854.641.007	10.659.523.722
Cộng	34.853.026.842	37.789.861.922

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	231.680.258	1.707.067.439
Xử lý vật tư hàng hóa thừa		-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	2.249.290.141	682.074.332
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.693.482.244	8.400.418.434
Thu tiền bán phế liệu		-
Thu nhập khác	1.416.657.783	1.313.754.632
Cộng	9.591.110.426	12.103.314.837

9. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bảo hành nhà các năm trước	996.423.234	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán		6.502.244.557
Chi phí khác	2.066.861.371	2.954.233.824
Cộng	3.063.284.605	9.456.478.381

10. Lãi trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(66.855.097.636)	5.788.225.449
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	100.000.000	100.000.000
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	(669)	58

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	275.020.955.725	338.553.877.985
Chi phí nhân công	55.704.205.945	81.963.788.212
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.116.278.755	26.896.431.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.822.344.390	18.640.147.458
Chi phí khác	50.631.550.758	90.352.157.463
Cộng	431.295.335.573	556.406.402.391

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng) của Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.188.000.000	1.060.000.000
Tiền thưởng	177.000.000	357.000.000
Cộng	<u>1.365.000.000</u>	<u>1.417.000.000</u>

1b. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương (ITC)	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang	Công ty góp vốn vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại thuyết minh VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH MTV</i>		
Cổ tức phải trả	100.700.500.000	84.980.700.000
Thu hộ tiền bán đất		612.000.000
Mua dịch vụ khác	381.730.910	-
Nhận chuyển nhượng đất	956.306.254.766	55.326.085.785-
Lãi trả chậm cổ tức	3.561.823.183	-
<i>Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương</i>		
Tiền mua dự án đầu tư khu đô thị thành phố mới Bình Dương	-	1.630.088.595.645
<i>Công ty cổ phần phát triển đô thị</i>		
Mua nguyên vật liệu	-	1.156.256.316
Mua tài sản	-	63.205.743.685
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Mua nguyên vật liệu	-	546.212.500
Nhận cung cấp dịch vụ		
<i>Công ty cổ phần dược Becamex</i>		
Mua đất nền	-	23.374.500
Cổ tức được chia	70.000.000	70.000.000
<i>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</i>		
Thi công công trình	-	5.280.779.600
Cổ tức được chia		
<i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i>		
Mua nguyên vật liệu	20.541.441.899	13.845.517.903
Cổ tức được chia	346.967.200	-
<i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang</i>		
Mua xi măng	6.313.829.936	-
Mượn tiền		
Chia cổ tức		

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.16, V.17, V.20, V.21 và V.22.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ.

2a. Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bê tông nhựa nóng, sản xuất cửa các loại và sản xuất xi măng.
- Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản: xây dựng và kinh doanh các căn hộ.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh theo bộ phận của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

2b. Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này. Chi tiết như sau:

	Số liệu trước trình bày lại	Phân loại lại	Số liệu trình bày lại
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Phải thu ngắn hạn khác	10.929.982.118	5.932.398.318	16.862.380.436
Hàng tồn kho	4.288.619.016.726	(1.410.634.260.829)	2.877.984.755.897
Tài sản ngắn hạn khác	11.276.184.022	(11.276.184.022)	-
Phải thu dài hạn khác	-	6.787.157.872	6.787.157.872
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	1.410.634.260.829	1.410.634.260.829
Chi phí trả trước dài hạn	19.729.132.113	(4.004.848.486)	15.724.283.627
Tài sản dài hạn khác	1.443.372.167	(1.443.372.167)	-
Phải trả ngắn hạn khác	242.473.785.170	(6.247.571.471)	236.226.213.699
Phải trả dài hạn khác	174.989.000	6.247.571.471	6.422.560.471
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	516.844.951.921	(4.004.848.486)	512.840.103.435
Quỹ dự phòng tài chính	13.924.712.512	(13.924.712.512)	-
Quỹ đầu tư phát triển	28.807.134.495	13.924.712.512	42.731.847.007
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			
Thu nhập khác	16.378.611.036	(4.275.296.199)	12.103.314.837
Chi phí khác	13.731.774.580	(4.275.296.199)	9.456.478.381

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)


4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.


Bình Dương, ngày 10 tháng 11 năm 2015



Huỳnh Thị Ánh Tuyết
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

